

	QUY CHẾ	Lần ban hành: 11
	Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị	

PHẦN KIỂM SOÁT

1. Theo dõi ban hành văn bản				
STT	Nội dung	Lần sửa đổi	Ngày, tháng, năm ban hành	Số VBCĐ
1	Ban hành lần đầu	1	01/05/2012	Quyết định 001/QĐ-HĐQT
2	Ban hành thay thế	2	07/05/2013	Quyết định 636/QĐ-HĐQT
3	Ban hành thay thế	3	09/05/2016	Quyết định 1347/QĐ-HĐQT
4	Ban hành thay thế	4	26/10/2016	Quyết định 2909/QĐ-HĐQT
5	Ban hành thay thế	5	27/04/2017	Quyết định 682/QĐ-BIDV
6	Ban hành thay thế	6	27/04/2018	Quyết định 243/QĐ-BIDV
7	Ban hành thay thế	7	26/04/2019	Quyết định 377/QĐ-BIDV
8	Ban hành thay thế	8	20/05/2022	Quyết định 453/QĐ-BIDV
9	Ban hành thay thế	9	23/05/2023	Quyết định 433/QĐ-BIDV
10	Ban hành thay thế	10	01/07/2024	Quyết định 799/QĐ-BIDV
2. Người soạn thảo, xem xét, thẩm định, thẩm tra và phê duyệt				
Người soạn thảo				
Họ và tên: Phan Tuấn Dũng _____			Chức danh: Phó Trưởng phòng - Ban Thư ký Hội đồng quản trị và quan hệ cổ đông	
Họ và tên: Nguyễn Huy Anh _____			Chức danh: Phó Trưởng phòng - Ban Thư ký Hội đồng quản trị và quan hệ cổ đông	
Người xem xét				
Họ và tên: Phạm Thị Thanh Nga _____			Chức danh: Quyền Trưởng Ban Thư ký Hội đồng quản trị và quan hệ cổ đông	
Người thẩm tra				
Họ và tên: Nguyễn Thị Phương _____			Chức danh: Giám đốc Ban Pháp chế	

Người duyệt trình	
Họ và tên: Đặng Văn Tuyên _____	Chức danh: Ủy viên Hội đồng quản trị
Người phê duyệt	
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỨC DANH	
Phan Đức Tú (đã ký)	



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: /QĐ-BIDV

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số/...../NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../..... của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Để đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 và thay thế Quyết định số 799/QĐ-BIDV ngày 01/07/2024 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (...b):

- Như Điều 3;
- NHNNVN (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Các Ban/TT tại TSC, Đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TKHQDT&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Đức Tú

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BIDV ngày / /20 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động, trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐQT để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật áp dụng đối với ngân hàng thương mại Cổ phần.

Điều 2. Vị trí, vai trò, nguyên tắc hoạt động

1. HĐQT là cơ quan quản trị của BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các văn bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ, từ viết tắt được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ của BIDV.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HĐQT

Điều 4. Cơ cấu, tổ chức và nhiệm kỳ của HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. HĐQT phải có tối thiểu:

a) 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên là Thành viên độc lập HĐQT và Thành viên HĐQT không phải là Người điều hành; và

b) 02 (hai) Thành viên độc lập HĐQT đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 8, 9 và 12 của Quy chế này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

5. Hội đồng quản trị BIDV được bầu trước ngày Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật các Tổ chức tín dụng được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

6. Các giấy tờ, giao dịch của BIDV phải ghi rõ “thành viên độc lập HĐQT” trước họ, tên của thành viên HĐQT đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

Điều 5. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Thành viên HĐQT (trong danh sách dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của BIDV để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng cử viên Thành viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

3. Nguyên tắc đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số Cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị BIDV. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên HĐQT được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

5. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một Cổ đông pháp nhân và Người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT của BIDV, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Trường hợp cổ đông nước ngoài bao gồm cả cổ đông chiến lược nước ngoài, nhà đầu tư tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau:

- a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại BIDV;
- b) Không làm thành viên HĐQT quá 02 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam;
- c) Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của BIDV.

Điều 6. Bộ máy giúp việc HĐQT

1. Người phụ trách quản trị BIDV

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị BIDV để hỗ trợ hoạt động quản trị BIDV được tiến hành một cách có hiệu quả. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị BIDV.

2. Thư ký HĐQT:

a) HĐQT giao nhiệm vụ cho một hoặc một số cán bộ/đơn vị đảm nhận vai trò Thư ký HĐQT. Vai trò, chức năng và nhiệm vụ Thư ký HĐQT do HĐQT quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Số lượng Thư ký HĐQT, chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của Thư ký HĐQT do HĐQT quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của BIDV.

c) Thư ký HĐQT có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ BIDV. Thư ký HĐQT của BIDV không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho BIDV.

3. Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm các chức danh trợ lý, cố vấn cao cấp cho Chủ tịch.

4. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Đơn vị giúp việc để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên của các Ủy ban/Đơn vị giúp việc này và cơ chế làm việc của các Ủy ban/Đơn vị giúp việc do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của NHNN.

a) Ủy ban: Bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban sau, trong đó Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự là bắt buộc:

- Ủy ban Quản lý rủi ro;

- Ủy ban Nhân sự;
- Ủy ban Chiến lược và tổ chức;
- Ủy ban Công nghệ thông tin; và
- Ủy ban Hợp tác Chiến lược BIDV với KEB Hana Bank.

b) Các Đơn vị khác thuộc HĐQT.

5. Ngoài bộ máy giúp việc tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, HĐQT sử dụng các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, các đơn vị chức năng khác tại BIDV để thực hiện việc tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.

Điều 7. Các Hội đồng nghiệp vụ

1. HĐQT thành lập các Hội đồng nghiệp vụ bao gồm các thành viên HĐQT, các thành viên trong Ban Điều hành và các chức danh khác trong BIDV để thực hiện thẩm quyền của HĐQT theo phân cấp, uỷ quyền của HĐQT hoặc tư vấn các vấn đề quan trọng cho HĐQT.

2. Các Hội đồng nghiệp vụ do HĐQT thành lập bao gồm:

a) Hội đồng Xử lý rủi ro;

b) Các Hội đồng khác do HĐQT quyết định thành lập theo yêu cầu của Pháp luật hoặc theo yêu cầu quản trị BIDV trong từng thời kỳ.

3. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và cơ chế hoạt động của các Hội đồng do HĐQT quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động hoặc trong Quyết định thành lập của từng Hội đồng.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN; ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH; MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng.

c) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

d) Có trình độ Đại học trở lên;

e) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm làm Người quản lý, Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là

người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kiểm toán, kế toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị của BIDV có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 46 Điều lệ BIDV và không thuộc bất kỳ trường hợp nào trong số các trường hợp sau:

a) Đang làm việc cho BIDV hoặc Công ty con của BIDV hoặc đã làm việc cho BIDV hoặc Công ty con của BIDV trong 03 (ba) năm liền kề trước đó

b) Hiện đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của BIDV ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên đó và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của BIDV, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của BIDV hoặc người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty con của BIDV;

d) Đại diện sở hữu Cổ phần của BIDV; cùng với Người có liên quan của thành viên đó sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01 (một) % Vốn Điều lệ hoặc vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của BIDV;

e) Là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của BIDV tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 9. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT

1. Thành viên HĐQT BIDV không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát BIDV.

2. Thành viên HĐQT BIDV không đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng này là Công ty con của BIDV.

3. Thành viên HĐQT BIDV không phải là thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành BIDV (trừ trường hợp là Tổng Giám đốc BIDV);

b) Người quản lý, Người điều hành tổ chức tín dụng khác, Người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là Người quản lý, Người điều hành công ty

con của BIDV hoặc của công ty mẹ của BIDV (nếu có) hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập HĐQT BIDV không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành BIDV;

b) Người quản lý, Người điều hành tổ chức tín dụng khác; Người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác.

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Chủ tịch HĐQT BIDV không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của BIDV và của tổ chức tín dụng khác.

6. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Người quản lý của doanh nghiệp khác.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của khoản 1 Điều 42 Luật các Tổ chức Tín dụng;

b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của BIDV khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) BIDV bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

f) Chết;

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này, Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

b) Miễn nhiệm khi có đơn từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT, Ban Kiểm soát của BIDV;

c) Miễn nhiệm khi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

d) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 8 và khoản 3 Điều 9 Quy chế này;

f) Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ BIDV và quy định của pháp luật.

3. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, f khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của Pháp luật. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

4. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách theo khoản 1 Điều này và sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo khoản 3 Điều này, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau:

a) Trường hợp Hội đồng quản trị BIDV có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 41 Điều lệ BIDV thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, BIDV phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp BIDV bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.

b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không đảm bảo số lượng theo quy định.

6. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT bị mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả hoạt động của BIDV và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quản trị BIDV theo quy định của Pháp luật và Điều lệ BIDV và vì lợi ích của BIDV, của Cổ đông;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh

doanh hàng năm của BIDV.

c) Toàn quyền nhân danh BIDV quyết định, thực hiện các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của BIDV trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

d) Trình Đại hội đồng cổ đông của BIDV quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 29 Điều lệ BIDV;

e) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của BIDV;

f) Chuẩn bị các nội dung và tài liệu có liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;

g) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h) Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán;

i) Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của BIDV;

j) Quyết định mua lại Cổ phần theo thẩm quyền quy định tại Điều 15 Điều lệ và theo quy định của Pháp luật;

k) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

l) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng khối, Phó Trưởng khối, Giám đốc Chi nhánh và thành viên Ban Điều hành do Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đề cử theo thỏa thuận giữa BIDV và nhà đầu tư chiến lược nước ngoài được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

m) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

n) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của BIDV;

o) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của BIDV phù hợp với Luật các Tổ chức Tín dụng và Pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

p) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

q) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán Cổ phần, phần vốn góp của BIDV tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán Cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% Vốn Điều lệ của BIDV ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r) Cử người đại diện phần vốn góp của BIDV tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

s) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của BIDV mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,075% (không phẩy không bảy phần trăm) Vốn Điều lệ BIDV trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định của BIDV thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

t) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

u) Thông qua:

- Các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% Vốn Điều lệ của BIDV ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa BIDV với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn; Người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn của BIDV; Công ty con, Công ty Liên kết của BIDV;

- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn Điều lệ trở lên của BIDV ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Các hợp đồng, giao dịch của BIDV theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Điều lệ BIDV; và

v) Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của BIDV;

w) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;

x) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng nhà nước Việt Nam những thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;

y) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ BIDV và quy định của Pháp luật.

2. HĐQT sử dụng bộ máy, con dấu và các nguồn lực khác của BIDV để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. HĐQT có trách nhiệm tuân thủ đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ BIDV và của pháp luật. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông, Điều lệ BIDV gây thiệt hại cho BIDV thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho BIDV; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông của BIDV có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của BIDV và tổ chức tín dụng khác; Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Người quản lý của doanh nghiệp khác.

3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b) Làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết/quyết định của HĐQT;

e) Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT;

f) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

h) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;

i) Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT; báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì chỉ được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công

việc nhất định thì các thành viên còn lại thống nhất phân công 01 (một) người trong số các thành viên thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT (theo nguyên tắc đa số) cho đến khi có nhân sự Chủ tịch HĐQT và báo cáo NHNN. Việc kiện toàn nhân sự Chủ tịch HĐQT (nếu cần thiết) sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHNN.

5. Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ BIDV.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị BIDV theo quy định của pháp luật và Điều lệ BIDV;

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT;

3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của BIDV và Cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

4. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ BIDV; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung tại điểm d, k, l, n, o, q, r, t, u và các gạch đầu dòng thứ nhất và thứ hai tại điểm v của khoản 1, Điều 11 Quy chế này.

6. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT;

7. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

8. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành BIDV, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;

9. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường;

10. Có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trực thuộc BIDV cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của BIDV và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

11. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các

thành viên HĐQT:

a) Thành viên HĐQT phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 73 Điều lệ BIDV;

b) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

c) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa BIDV, Công ty con, Công ty do BIDV nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa BIDV với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch Cổ phiếu của BIDV theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Người quản lý theo Điều 72 Điều lệ BIDV;

13. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của BIDV.

Chương V

CUỘC HỌP HĐQT VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Điều 14. Cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó.

2. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập khi thấy cần thiết vì lợi ích của BIDV.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của HĐQT;

d) Các trường hợp khác do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Điều lệ BIDV và các quy định pháp luật có liên quan.

Đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của

HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT triệu tập họp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này có thể thay thế triệu tập họp HĐQT. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với BIDV, trừ trường hợp không thể triệu tập được vì lý do bất khả kháng.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình BIDV.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh nếu có thành viên HĐQT là người nước ngoài, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại BIDV. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cũng phải đảm bảo gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT.

7. Các cuộc họp của HĐQT tiến hành tại trụ sở BIDV hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí của các thành viên HĐQT.

8. Cuộc họp HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện là một trong các thành viên HĐQT được ủy quyền nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần thứ nhất nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp.

Sau hai lần triệu tập họp HĐQT không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.

9. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT được ủy quyền biểu quyết cho thành

viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự (video call hoặc tele-conference) giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng video call/tele-conference hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 15. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử, fax hoặc phương tiện điện tử theo quy định nội bộ của BIDV (hiện tại là hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One).

2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:

a) Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên HĐQT không được biểu quyết, ủy quyền biểu quyết khi có vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó.

b) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp quyết định.

Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi, của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được công bố đầy đủ.

c) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 74 của Điều lệ BIDV sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

d) Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với BIDV và biết

bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với BIDV, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp:

a) Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

c) Các Nghị quyết, Quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc video call/tele-conference được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 10 Điều 14 Quy chế này phải được khẳng định lại các nội dung đã thông qua bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này tại kỳ họp trực tiếp gần nhất sau đó.

4. Hiệu lực Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

a) Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, Quyết định đó.

b) Trường hợp thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với Nghị quyết, Quyết định đã được thông qua thì Nghị quyết, Quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc bằng phương tiện điện tử của BIDV

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT. Đối với hình thức xin ý kiến qua thư điện tử/fax thì nội dung xin ý kiến được gửi qua thư điện tử/fax, thành viên HĐQT có ý kiến qua thư điện tử/fax phải gửi ý kiến bằng văn bản về BIDV sau khi nhận được phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến được gửi bằng

văn bản.

2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT hoặc được gửi thông qua hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV đến tài khoản của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề lấy ý kiến; phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành, không có ý kiến và ý kiến khác; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về BIDV; Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Cấp ký báo cáo trình HĐQT về nội dung xin ý kiến là Ban Điều hành hoặc đơn vị khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT yêu cầu trong từng trường hợp cụ thể. Người ký báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT về đề xuất của mình và tính chính xác, đầy đủ và toàn vẹn của nội dung trình cũng như các tài liệu đính kèm.

5. Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.

6. Trường hợp thành viên HĐQT đã chọn một trong các phương án biểu quyết nhưng đồng thời có ý kiến bổ sung kèm theo phương án biểu quyết, Thư ký HĐQT sẽ tổng hợp ý kiến của thành viên HĐQT đó theo phương án biểu quyết đã lựa chọn trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều này. Thành viên HĐQT sẽ chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về ý kiến của mình theo phương án biểu quyết đã lựa chọn.

7. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu đơn vị trình HĐQT và/hoặc các đơn vị có liên quan báo cáo bổ sung thông tin, giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung xin ý kiến.

a) Nếu Thành viên HĐQT chỉ yêu cầu bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan thì đơn vị trình HĐQT có trách nhiệm bổ sung như nội dung được yêu cầu.

b) Nếu thành viên HĐQT yêu cầu bổ sung thông tin, giải trình thì đơn vị trình HĐQT có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Việc giải trình phải được lập thành văn bản do cấp ký báo cáo trình HĐQT ký.

c) Sau khi xem xét báo cáo giải trình, nếu thành viên HĐQT quyết định lựa chọn phương án biểu quyết khác với phương án biểu quyết đã ghi trên Phiếu lấy ý kiến, thành viên HĐQT phải ghi rõ phương án biểu quyết cuối cùng trên văn bản giải trình kèm ngày ghi ý kiến làm cơ sở để tổng hợp ý kiến hoặc phải ghi rõ phương án biểu quyết cuối cùng khi có ý kiến tại văn bản giải trình qua hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One.

d) Thư ký HĐQT sẽ tổng hợp đầy đủ các ý kiến tham gia của thành viên HĐQT, bao gồm cả ý kiến trên văn bản giải trình, trừ trường hợp thành viên

HĐQT yêu cầu giải trình và/ hoặc Chủ tịch HĐQT có chỉ đạo khác.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT hoặc phải được thành viên HĐQT cho ý kiến theo tính năng của hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One và gửi về Thư ký HĐQT theo quy định của BIDV.

9. Thư ký HĐQT tiến hành tổng hợp ý kiến và lập văn bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Ban Kiểm soát.

10. Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV và người giám sát tổng hợp ý kiến phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của văn bản tổng hợp ý kiến; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do tổng hợp ý kiến không trung thực, không chính xác.

11. Văn bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả tổng hợp ý kiến phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc xin ý kiến HĐQT. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, văn bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của BIDV hoặc lưu trữ tại hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV.

12. Nghị quyết/Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản hoặc bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết/Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết/Quyết định cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên HĐQT.

13. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị có liên quan trong công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản hoặc bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV:

a) Trong quá trình triển khai xin ý kiến HĐQT bằng văn bản hoặc bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV, trên cơ sở rà soát hồ sơ xin ý kiến hoặc theo ý kiến của các thành viên HĐQT, Thư ký HĐQT có quyền yêu cầu đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến và/hoặc các đơn vị có liên quan đến nội dung xin ý kiến cung cấp thông tin, bổ sung tài liệu, báo cáo để làm rõ nội dung xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến. Các đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thư ký HĐQT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của các thông tin do mình cung cấp.

b) Trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, Thư ký HĐQT có quyền yêu cầu đơn vị đầu mối gửi các tài liệu trong hồ sơ xin ý kiến dưới dạng file điện tử. Đơn vị gửi file điện tử phải chịu trách

nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng nhất về nội dung và đồng dạng giữa tài liệu dưới dạng file điện tử với tài liệu giấy trong hồ sơ xin ý kiến.

c) Đối với việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One của BIDV, các hồ sơ xin ý kiến được gửi dưới dạng file điện tử theo quy định nội bộ của BIDV.

14. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng văn bản lưu tại Thư ký HĐQT và bao gồm các tài liệu sau:

- a) Phiếu lấy ý kiến: bản gốc;
- b) Tài liệu đính kèm Phiếu lấy ý kiến, trong đó văn bản trình của Ban Điều hành/Đơn vị trực tiếp trình HĐQT phải là bản gốc;
- c) Các tài liệu bổ sung thông tin, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các thành viên HĐQT (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này: bản gốc;
- d) Văn bản tổng hợp ý kiến: bản gốc;
- e) Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (nếu có): bản chính;
- f) Các tài liệu khác theo quyết định của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.

15. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One lưu tại hệ thống quản trị nội bộ toàn hàng B.One và bao gồm các tài liệu tại khoản 14 dưới dạng bản điện tử.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và/hoặc ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Trong trường hợp ghi biên bản thì biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh nếu có thành viên HĐQT là người nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, hình thức và/hoặc địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; thành viên biểu quyết bằng văn bản;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã được thông qua theo đúng quy định

tại Điều 15 Quy chế này nhưng thành viên hoặc người đại diện thành viên thiếu số từ chối ký biên bản họp HĐQT thì phải ghi rõ lý do không ký biên bản; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó với những nội dung tại cuộc họp không có giá trị. Biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.

2. Chủ tọa, Thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và biên bản đó là những bằng chứng mang tính xác thực và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại, phản đối liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của BIDV.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng tiếng Việt được có giá trị cuối cùng.

5. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, THÙ LAO VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT

Điều 18. Chương trình công tác của HĐQT

1. Chương trình công tác của HĐQT:

a) Căn cứ mục tiêu chung, chương trình, kế hoạch, định hướng phát triển hàng năm và trong từng giai đoạn của BIDV, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Thư ký HĐQT tổng hợp Chương trình công tác của Chủ tịch và các thành viên HĐQT, xây dựng và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt Chương trình công tác định kỳ hàng tháng, quý, năm của HĐQT và theo dõi, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình công tác của HĐQT theo định kỳ và báo cáo tại kỳ họp thường kỳ theo quy định.

b) Căn cứ Chương trình công tác chung của HĐQT và chức trách, nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công, từng thành viên HĐQT chủ động thực hiện Chương trình công tác của mình.

2. Chương trình công tác của Chủ tịch và các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT, theo lĩnh vực được phân công, chủ động đăng ký Chương trình làm việc của mình với Chủ tịch HĐQT. Thư ký HĐQT phát hành thông báo Chương trình công tác của Chủ tịch và các thành viên HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

3. Chương trình công tác của các Ủy Ban/Đơn vị, Hội đồng của HĐQT: do các Ủy Ban/Đơn vị và các Hội đồng xây dựng, trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT điều hành được hưởng thù lao, lương, thưởng; các thành viên HĐQT không phải là Người điều hành được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của BIDV.

2. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của BIDV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua Cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ BIDV, Công ty con, Công ty liên kết của BIDV và các Công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của BIDV, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Các thành viên của HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, hoặc các Ủy ban/Đơn vị/Hội đồng của HĐQT. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của BIDV.

Điều 20. Điều kiện làm việc của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, tiền lương và các lợi ích khác như quy định tại Điều 19 Quy chế này.

2. Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành, Giám đốc Chi nhánh, Đơn vị sự nghiệp, Văn phòng đại diện, các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính và Công ty con của BIDV có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của BIDV theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ BIDV.

3. Các văn bản của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các Nghị quyết, Quyết định, các cơ chế, quy chế của HĐQT đều sao gửi Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.

4. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của BIDV để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT

HĐQT phân cấp, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của BIDV. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên HĐQT và được thông qua theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp HĐQT thấy cần thiết. Những trường hợp không có phân cấp, ủy quyền của HĐQT thì hạn mức tối đa thuộc phạm vi giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành là mức cao nhất mà pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ BIDV cho phép.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT

Điều 22. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của BIDV;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của BIDV;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của BIDV.

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Điều hành

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành.

Khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho BIDV thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp, HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT BIDV có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của BIDV.

4. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

5. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp đề quyết định mời các thành viên Ban Điều hành hoặc Giám đốc các Ban/Trung tâm, người quản lý các đơn vị thành viên có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

6. Ban Điều hành và người quản lý BIDV chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của BIDV hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành và người quản lý BIDV phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của BIDV.

4. HĐQT bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do HĐQT quyết định trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Đức Tú